

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

TRẦN THỊ BÍCH DUYÊN

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÍNH  
HỮU HIỆU CỦA KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI  
CÁC DOANH NGHIỆP KINH DOANH  
LƯU TRÚ DU LỊCH CÁC TỈNH DUYÊN HẢI  
NAM TRUNG BỘ VIỆT NAM

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng, năm 2024

Công trình được hoàn thành tại  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**Người hướng dẫn khoa học 1: PGS.TS. Đường Nguyễn Hưng**  
**Người hướng dẫn khoa học 2: PGS.TS. Ngô Hà Tấn**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận án cấp cơ sở  
hợp tại Trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào  
ngày.....tháng .....năm 2024.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

Thư viện Quốc gia Việt Nam

Trung tâm Thông tin - Học liệu và Truyền thông, Đại học Đà Nẵng

## CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU

### 1.1. Lý do chọn đề tài

Đằng sau sự tồn tại và thành công của bất kỳ tổ chức nào đều có sự hiện diện của một hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) hiệu quả và hợp lý. KSNB đóng vai trò then chốt trong việc quản trị rủi ro của tổ chức, đảm bảo rằng mọi hoạt động đều được kiểm soát chặt chẽ, từ đó giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra và bảo vệ tài sản của tổ chức. Một hệ thống KSNB hữu hiệu không chỉ giúp đảm bảo tính kinh tế, hiệu quả và hiệu suất của các hoạt động mà còn giúp tăng cường tính tin cậy của cả báo cáo nội bộ lẫn báo cáo bên ngoài. Tính tin cậy của các báo cáo này rất quan trọng, vì chúng là cơ sở để ra quyết định của ban lãnh đạo và các bên liên quan, bao gồm cổ đông, nhà đầu tư và các cơ quan quản lý. Khi các báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động được kiểm tra và xác nhận bởi một hệ thống KSNB vững mạnh, các quyết định kinh doanh sẽ được đưa ra dựa trên những thông tin chính xác và minh bạch, từ đó nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh của tổ chức. Ngoài ra, KSNB còn giúp tăng cường tính tuân thủ pháp luật và các quy định của tổ chức. Một hệ thống KSNB mạnh mẽ sẽ đảm bảo rằng mọi hoạt động của tổ chức đều tuân thủ các quy định pháp luật và quy định nội bộ, từ đó giảm thiểu rủi ro pháp lý và tránh được những rủi ro không mong muốn. Điều này không chỉ giúp bảo vệ uy tín của tổ chức mà còn tạo ra một môi trường làm việc an toàn và minh bạch, thúc đẩy tinh thần làm việc và sự hài lòng của nhân viên. Trái lại, một hệ thống KSNB yếu kém thường tạo ra những sơ hở dẫn đến thua lỗ và thất bại. Những sơ hở này có thể xuất phát từ việc thiếu kiểm tra, giám sát không đầy đủ hoặc quy trình kiểm soát không chặt chẽ, dẫn đến việc lạm dụng tài sản, gian lận và các sai phạm khác. Khi không có một hệ thống KSNB hiệu quả, tổ chức dễ dàng bị tổn thất tài chính và mất đi sự tin tưởng của khách hàng, nhà đầu tư và các bên liên quan. Những hậu quả này có thể gây ra thiệt hại nghiêm trọng, thậm chí đẩy tổ chức đến bờ vực phá sản. Do đó, việc xây dựng và duy trì một hệ thống KSNB hiệu quả và hợp lý là vô cùng quan trọng đối với mọi tổ chức. Điều này đòi hỏi sự cam kết và đầu tư từ phía ban lãnh đạo, sự tham gia tích cực của tất cả nhân

viên và việc liên tục cải tiến và cập nhật các quy trình kiểm soát nội bộ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của môi trường kinh doanh hiện đại. Chỉ khi đó, tổ chức mới có thể đảm bảo được sự phát triển bền vững và đạt được những thành công dài hạn trong tương lai.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nhiều ngành nghề khác trong nền kinh tế, ngành du lịch Việt Nam đang vươn lên như một động lực kinh tế quan trọng, khẳng định vị thế trên thị trường khu vực và quốc tế. Việt Nam ngày càng trở thành điểm đến hấp dẫn, thu hút đông đảo du khách nước ngoài nhờ vào vẻ đẹp tự nhiên tuyệt vời, văn hóa đa dạng và con người thân thiện. Trong bức tranh phát triển này, các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch đóng vai trò vô cùng quan trọng, đặc biệt là ở khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, nơi sở hữu đường bờ biển dài, khí hậu ấm áp và nhiều bãi biển tuyệt đẹp. Với tiềm năng phát triển du lịch biển đầy hứa hẹn, các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ không chỉ thu hút du khách trong nước mà còn là lựa chọn hàng đầu của nhiều du khách quốc tế. Sự phát triển mạnh mẽ của du lịch tại khu vực này không chỉ góp phần tăng trưởng kinh tế mà còn tạo ra hàng ngàn cơ hội việc làm, cải thiện đời sống người dân. Tuy nhiên, thách thức cũng lớn dần đối với các doanh nghiệp lưu trú du lịch khi phải đối mặt với yêu cầu ngày càng cao về chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Các doanh nghiệp không chỉ cần đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế về dịch vụ lưu trú mà còn phải tạo ra những trải nghiệm độc đáo, mang đậm bản sắc địa phương để thu hút và giữ chân du khách. Việc quản lý và tổ chức hoạt động lưu trú hiệu quả là yếu tố then chốt trong việc xây dựng lòng tin và nâng cao uy tín của doanh nghiệp.

Hơn thế nữa, tại vùng Duyên hải Nam Trung Bộ – một trong những vùng trọng điểm du lịch quốc gia, vai trò của các doanh nghiệp lưu trú càng trở nên nổi bật khi khu vực này ngày càng phát triển thành điểm đến du lịch biển hàng đầu. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt của ngành du lịch, việc thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) hiệu quả là yếu tố sống còn đối với các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch. Một hệ thống KSNB mạnh không chỉ giúp phát hiện, ngăn ngừa rủi ro mà còn tối ưu hóa hoạt động quản lý, đảm bảo

quy trình vận hành suôn sẻ và hiệu quả. Điều này giúp doanh nghiệp tránh được những tổn thất lớn, đồng thời nâng cao uy tín và lòng tin với khách hàng, nhà đầu tư. Việc đầu tư vào hệ thống KSNB không chỉ là một chiến lược quản lý rủi ro, mà còn là cách để các doanh nghiệp lưu trú du lịch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ tạo nên lợi thế cạnh tranh bền vững. Họ cần liên tục cải tiến, nâng cấp hệ thống để đáp ứng những yêu cầu khắt khe của thị trường, đồng thời đảm bảo rằng họ luôn tiên phong trong việc mang đến cho du khách những dịch vụ lưu trú chất lượng cao, góp phần xây dựng hình ảnh du lịch Việt Nam ngày càng thịnh vượng trên bản đồ thế giới.

Trong lĩnh vực nghiên cứu, liên quan đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ ở nước ta, đã có khá nhiều nhà khoa học thực hiện các công trình nghiên cứu quan trọng. Những nghiên cứu này không chỉ giúp cung cấp cơ sở lý luận vững chắc mà còn đưa ra các bằng chứng thực tiễn về tầm quan trọng và hiệu quả của KSNB trong các doanh nghiệp. Một số công trình tiêu biểu có thể kể đến như: {Vu, 2016 #1432@@author-year} đã tiến hành nghiên cứu về tác động của KSNB đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam, cho thấy rằng một hệ thống KSNB mạnh mẽ có thể giúp cải thiện hiệu quả hoạt động và giảm thiểu rủi ro; {Nguyễn Tiến Đạt, 2016 #1433@@author-year} cũng thực hiện một nghiên cứu toàn diện về KSNB trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) tại Việt Nam, tập trung vào các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của hệ thống KSNB và đưa ra những khuyến nghị cụ thể để cải thiện; {Nguyễn Tuấn, 2021 #1415@@author-year} đã nghiên cứu về sự tuân thủ quy định và hiệu quả của KSNB trong các doanh nghiệp lớn, với các kết quả cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa KSNB và việc tuân thủ các quy định pháp luật, từ đó giảm thiểu rủi ro pháp lý và nâng cao uy tín của doanh nghiệp;... Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu đáng kể về KSNB trong các lĩnh vực khác nhau, vẫn còn một sự thiếu hụt lớn các nghiên cứu về tính hữu hiệu của KSNB đối với các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch. Điều này dẫn đến tồn tại một khoảng trống lớn về cả lý thuyết và các nghiên cứu thực chứng. Đặc biệt, các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của KSNB trong các doanh

nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch tại các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ vẫn chưa được nghiên cứu một cách toàn diện.

Vì những lý do này, luận án tiến sĩ “Các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của KSNB tại các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam” đã đóng góp cả về mặt lý luận và cung cấp bằng chứng thực tiễn về các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của KSNB tại các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch tại Việt Nam. Luận án này không chỉ giúp lấp đầy khoảng trống trong nghiên cứu mà còn cung cấp những hướng dẫn thiết thực cho các doanh nghiệp trong việc cải thiện và nâng cao tính hữu hiệu của KSNB.

## **1.2. Mục tiêu nghiên cứu**

Luận án nhận diện và làm rõ mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến tính hữu hiệu của KSNB tại các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam.

Đưa ra các hàm ý nhằm nâng cao tính hữu hiệu của KSNB tại các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam.

## **1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **1.3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu là các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của KSNB tại các DN kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ.

### **1.3.2. Phạm vi nghiên cứu**

Về không gian, nghiên cứu được thực hiện thông qua việc khảo sát tại DN kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, gồm tám tỉnh thành sau: TP. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận.

Về thời gian, nghiên cứu khảo sát về các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của KSNB tại các DN kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ được thực hiện trong năm 2020.

Về nội dung, nghiên cứu tổng hợp các lý thuyết liên quan đến tính hữu hiệu của KSNB và lựa chọn một khuôn khổ lý thuyết phù hợp làm cơ sở để nghiên cứu thực tiễn DN kinh doanh lưu trú du lịch. Cuối cùng, từ kết quả

nghiên cứu, đề xuất các hàm ý cho hoạt động quản trị ở các DN kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ.

#### **1.4. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng.

Trong đó, phương pháp nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua việc phỏng vấn chuyên gia đối với bảng câu hỏi đã xây dựng để đề xuất mô hình nghiên cứu cho phù hợp. Dựa trên cơ sở lý thuyết và tổng quan các nghiên cứu trước, tác giả tiến hành xây dựng mô hình nghiên cứu, các thang đo, soạn thảo dàn bài thảo luận. Sau đó, tác giả tiến hành phỏng vấn trực tiếp với các chuyên gia nhằm tiến hành điều chỉnh thang đo cho phù hợp với đặc điểm bối cảnh nghiên cứu là các DN lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ. Tác giả sẽ thiết kế phiếu khảo sát nháp để chuẩn bị cho bước thu thập dữ liệu sơ bộ.

Phương pháp nghiên cứu định lượng được thực hiện sau khi nghiên cứu định tính, với việc lượng hóa mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến tính hữu hiệu của KSNB các DN lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ. Khảo sát sơ bộ được tiến hành với 100 phản hồi đầu tiên, sau đó phân tích Cronbach's alpha trên phần mềm SmartPLS 3.3.2 để đánh giá độ tin cậy và giá trị của các thang đo. Cuối cùng, kết quả thu được từ bước này giúp cho tác giả hoàn chỉnh phiếu khảo sát để chuẩn bị cho khâu thu thập các dữ liệu chính thức. Bảng câu hỏi chính thức sau khi tổng hợp từ phỏng vấn sâu các chuyên gia sẽ được gửi đến các nhà quản trị cấp cao và cấp trung liên quan đến các bộ phận chủ chốt, am hiểu KSNB tại các DN lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ. Luận án sử dụng các cách thu thập dữ liệu như: thông qua khảo sát trực tiếp, gọi điện thoại hoặc khảo sát thông qua Email bằng đường dẫn bảng câu hỏi. Sau khi thu thập được đầy đủ dữ liệu, tác giả sẽ tiến hành các bước phân tích dựa trên phần mềm SmartPLS 3.3.2 như: đánh giá mô hình đo lường; đánh giá sự phù hợp của mô hình cấu trúc; kiểm định các giả thuyết nghiên cứu và một số kiểm định bổ sung khác.

#### **1.5. Những đóng góp mới của đề tài**

### 1.5.1. Về phương diện lý thuyết

Thứ nhất, luận án góp phần bổ sung những hiểu biết vào lĩnh vực nghiên cứu về tính hữu hiệu của KSNB một số nội dung như sau:

- Nếu như các nghiên cứu trước chỉ tập trung vào nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố tác động đến KSNB, hoặc các nhân tố thuộc năm thành phần của KSNB tác động đến tính hữu hiệu của KSNB thì nghiên cứu của tác giả là nghiên cứu kết hợp cả hai khía cạnh này để cung cấp một cái nhìn toàn diện hơn về các nhân tố tác động đến tính hữu hiệu của KSNB.

- Luận án bổ sung vào lĩnh vực nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của KSNB, thông qua cách thức đo lường tính hữu hiệu của KSNB theo các thang đo đa hướng về mục tiêu hoạt động, mục tiêu báo cáo và mục tiêu tuân thủ. Đa số các nghiên cứu trước đo lường tính hữu hiệu của KSNB theo các thang đo đơn hướng. Bên cạnh đó, luận án xây dựng thang đo ngược giúp đánh giá khách quan hơn tính hữu hiệu của KSNB, các nghiên cứu trước đây, đo lường tính hữu hiệu theo cách xây dựng thang đo đánh giá thuận làm cho người trả lời câu hỏi thường bị cuốn theo câu hỏi và có xu hướng đánh giá cao cho tính hữu hiệu của KSNB tại đơn vị của mình.

Thứ hai, nghiên cứu đã sử dụng phương pháp phân tích theo mô hình cấu trúc tuyến tính SEM, đây là mô hình được đánh giá khá hiệu quả và phù hợp với các nghiên cứu xây dựng mô hình với nhiều mối quan hệ tác động. Đa số các nghiên cứu trước đây khi phân tích mối quan hệ tác động đến tính hữu hiệu của KSNB thường được đo lường theo phân tích nhân tố khẳng định CFA, mô hình hồi quy. SEM có những ưu điểm, giúp cho nhà phân tích linh động hơn hẳn. Do đó, nghiên cứu này sẽ là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị cho những nhà nghiên cứu quan tâm về mô hình cấu trúc tuyến tính SEM. Cụ thể, tài liệu tham khảo này phục vụ cho việc giảng dạy học phần kinh tế lượng ứng dụng trong việc đào tạo ngành kế toán bậc thạc sĩ, tiến sĩ tại các trường đại học.

Cuối cùng, nghiên cứu đã chứng minh được rằng, các biến quy mô DN, nhận thức về sự bất định của môi trường kinh doanh, chiến lược kinh doanh, phân quyền quản lý, công nghệ thông tin tác động đến các thành phần của



KSNB từ đó tác động đến tính hữu hiệu của KSNB. Trong bối cảnh Việt Nam chưa hề có một nghiên cứu nào chứng minh được mô hình tổng hợp mối quan hệ tác động của các biến trên đến tính hữu hiệu của KSNB.

### **1.5.2. Về phương diện thực tiễn**

Thứ nhất, nghiên cứu chứng minh quy mô DN, nhận thức về sự bất định của môi trường kinh doanh, phân quyền quản lý, công nghệ thông tin là các nhân tố quan trọng góp phần nâng cao tính hữu hiệu của KSNB trong các DN kinh doanh lưu trú du lịch. Với kết quả như vậy, nghiên cứu sẽ góp phần nâng cao nhận thức của các nhà quản trị về vai trò của các nhân tố trên. Từ đó, họ sẽ chủ động lên kế hoạch tìm hiểu và triển khai KSNB hữu hiệu trong DN.

Thứ hai, nghiên cứu này muốn nhấn mạnh một điều rằng việc đầu tư vào một KSNB đầy đủ không phải là tất cả. Quan trọng nhất là cách mà nhà quản trị thiết kế KSNB hiệu quả và hữu hiệu. Để nâng cao tính hữu hiệu của KSNB, các nhà quản lý DN không chỉ sử dụng KSNB cho mục đích giám sát, đánh giá kết quả so với thực hiện mà còn sử dụng thông tin như một công cụ hữu ích để cùng nhau tiến hành trao đổi, thảo luận, hoạch định chiến lược, chia sẻ và học tập.

Thứ ba, kết quả nghiên cứu cũng sẽ cho thấy các nhân tố cấu thành của KSNB có tác động với nhau, chẳng hạn môi trường kiểm soát sẽ là nền tảng tác động đến các nhân tố còn lại: đánh giá rủi ro, thông tin và trao đổi thông tin sẽ tác động đến hoạt động kiểm soát, hoạt động giám sát; đánh giá rủi ro có tác động đến hoạt động kiểm soát, thông tin và trao đổi thông tin có tác động đến hoạt động kiểm soát. Do đó, nhà quản trị DN cần thiết kế các thành phần của KSNB trong mối quan hệ tác động với các thành phần khác. Từ đó, nâng cao tính hữu hiệu của KSNB nhằm đáp ứng nhu cầu kiểm soát trong nội bộ DN phù hợp với bối cảnh của DN.

Với kết quả nghiên cứu, tất cả các mối quan hệ trong mô hình đều có tác động, tuy nhiên các mối quan hệ tác động đó có mức độ tác động không đồng đều nhau, từ đó tác giả đã đề xuất được các hàm ý chính sách phù hợp cho KSNB các DN kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ.

Từ những đóng góp trên, luận án kỳ vọng sẽ là một nguồn tài liệu tham khảo có giá trị cho các nhà quản trị DN và những người quan tâm đến nghiên cứu tính hữu hiệu của KSNB.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

### **CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU**

#### **2.1. Cơ sở lý thuyết**

##### **2.1.1. Tổng quan về kiểm soát nội bộ**

###### **2.1.1.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ**

Hiện nay, có nhiều định nghĩa khác nhau về KSNB, trong đó, định nghĩa theo Khuôn khổ COSO (2013) được xem là đầy đủ và toàn diện nhất: *“KSNB là một tiến trình được thiết lập và vận hành bởi hội đồng quản trị, ban quản lý và các nhân sự khác, được thiết kế để đem lại một sự bảo đảm hợp lý đối với việc đạt được các mục tiêu hoạt động, mục tiêu báo cáo và sự tuân thủ với các luật và quy định liên quan”*.

###### **2.1.1.2. Các bộ phận cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ**

- Môi trường kiểm soát (control environment);
- Đánh giá rủi ro (risk assessment);
- Hoạt động kiểm soát (control activities);
- Thông tin và trao đổi thông tin (information and communication);
- Hoạt động giám sát (monitoring activities).

##### **2.1.2. Tổng quan về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ**

###### **2.1.2.1. Tính hữu hiệu**

###### **2.1.2.2. Tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ**

KSNB của các tổ chức khác nhau được vận hành với các mức độ hữu hiệu khác nhau. Tương tự như thế, một KSNB cụ thể của một tổ chức sẽ vận hành với mức độ hữu hiệu khác nhau với những thời điểm khác nhau.

Theo định nghĩa của COSO về KSNB thì một KSNB hữu hiệu nếu hội đồng quản trị và nhà quản lý đảm bảo hợp lý đạt được 3 mục tiêu sau đây:

- Mục tiêu hiệu quả và hữu hiệu trong hoạt động của tổ chức;
- Mục tiêu các báo cáo được lập và trình bày một cách đáng tin cậy;

- Mục tiêu pháp luật và các quy định hiện hành được tuân thủ.

### **2.1.2.3. Cách tiếp cận về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ**

## **2.1.3 Các lý thuyết nền có liên quan**

### **2.1.3.1. Lý thuyết đại diện**

### **2.1.3.2. Lý thuyết phù hợp ngữ cảnh**

### **2.1.3.3. Lý thuyết các bên có lợi ích liên quan**

### **2.1.3.4. Lý thuyết về tâm lý học xã hội của tổ chức**

## **2.1.4. Khái quát chung về doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch**

## **2.2. Tổng quan nghiên cứu**

### **2.2.1. Các nghiên cứu nước ngoài về các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ**

#### **2.2.1.1. Các nghiên cứu nước ngoài về các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp**

#### **2.2.1.2. Các nghiên cứu nước ngoài về các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch**

### **2.2.2. Các nghiên cứu trong nước về các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ**

#### **2.2.2.1. Các nghiên cứu trong nước về các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp**

Tại Việt Nam, nghiên cứu về KSNB chủ yếu tập trung vào nghiên cứu hoàn thiện HT KSNB trong một đơn vị cụ thể, nghiên cứu hoàn thiện KSNB cho một nhóm ngành. Tuy nhiên, hiện nay theo thống kê của tác giả, có rất ít các nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của KSNB.

#### **2.2.2.2. Các nghiên cứu trong nước về các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch**

Các nghiên cứu có liên quan tại Việt Nam đã cho chúng ta thấy vấn đề KSNB trong các DN cần được quan tâm nhiều hơn. Các nghiên cứu về tính hữu hiệu của KSNB trong lĩnh vực kinh doanh lưu trú du lịch còn rất ít. Theo hiểu biết của tác giả, chưa có nghiên cứu nào nghiên cứu trực tiếp, đầy đủ và có hệ

thống về nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của KSNB tại các DN kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ.

### **2.2.3. Khoảng trống nghiên cứu và định hướng nghiên cứu**

Thông qua việc trình bày tổng hợp các nghiên cứu có liên quan trong và ngoài nước thì chưa có đề tài nghiên cứu nào nghiên cứu trực tiếp, đầy đủ và có HT về các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của KSNB tại các DN kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

### **CHƯƠNG 3: GIẢ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

#### **3.1. Khung nghiên cứu**

Khung nghiên cứu chịu ảnh hưởng rất lớn bởi câu hỏi nghiên cứu và mục tiêu của nghiên cứu. Nghiên cứu tiến hành tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến tính hữu hiệu của KSNB tại các DN kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ. Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, khung nghiên cứu chia thành hai giai đoạn và được mô phỏng như hình 3.1 – Khung nghiên cứu của luận án (trang 53). Mục tiêu chính của giai đoạn nghiên cứu thứ nhất là xây dựng một bộ thang đo nhằm đo lường các biến nghiên cứu (biến tiềm ẩn) được sử dụng trong nghiên cứu này. Giai đoạn nghiên cứu thứ hai tập trung vào việc đánh giá mô hình đo lường, đánh giá mô hình cấu trúc cũng như kiểm định các giả thuyết nghiên cứu của đề tài.

#### **3.2. Giả thuyết nghiên cứu**

##### **3.2.1. Giả thuyết về ảnh hưởng của phân quyền quản lý đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ**

*Giả thuyết H1: Mức độ phân quyền quản lý càng cao thì tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp lưu trú du lịch sẽ càng lớn và ngược lại.*

##### **3.2.2. Giả thuyết về ảnh hưởng của chiến lược kinh doanh đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ**

*Giả thuyết H2: Doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ theo chiến lược tấn công có tính hữu hiệu của kiểm soát nội*

bộ cao hơn các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ theo các chiến lược còn lại.

### **3.2.3. Giả thuyết về ảnh hưởng của nhận thức về sự bất định của môi trường kinh doanh đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ**

*Giả thuyết H3: Nhận thức về sự bất định của môi trường kinh doanh càng bất ổn thì tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ càng cao.*

### **3.2.4. Giả thuyết về ảnh hưởng của công nghệ thông tin đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ**

*Giả thuyết H4: Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin càng cao thì tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ càng cao.*

### **3.2.5. Giả thuyết về ảnh hưởng của môi trường kiểm soát đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ**

*Giả thuyết H5: Môi trường kiểm soát có mối quan hệ tác động thuận chiều đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ.*

### **3.2.6. Giả thuyết về ảnh hưởng của đánh giá rủi ro đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ**

*Giả thuyết H6: Đánh giá rủi ro có mối quan hệ tác động thuận chiều đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ.*

### **3.2.7. Giả thuyết về ảnh hưởng của hoạt động kiểm soát đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ**

*Giả thuyết H7: Hoạt động kiểm soát có mối quan hệ tác động thuận chiều đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ.*

### **3.2.8. Giả thuyết về ảnh hưởng của Thông tin và trao đổi thông tin đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ**

*Giả thuyết H8: Thông tin và trao đổi các thông tin có mối quan hệ tác động thuận chiều đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ.*

### **3.2.9. Giả thuyết về ảnh hưởng của Hoạt động giám sát đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ**

*Giả thuyết H9: Hoạt động giám sát có mối quan hệ tác động thuận chiều đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ.*

## **3.3. Đo lường biến nghiên cứu và xây dựng phiếu khảo sát**

### **3.3.1. Đo lường biến nghiên cứu**

Dựa trên nền tảng lý thuyết về KSNB của Khuôn khổ COSO (2013) và các nghiên cứu trước đây, tác giả đưa ra các thang đo để đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của KSNB như sau:

**Thang đo nhân tố phân quyền quản lý**

**Thang đo nhân tố Chiến lược kinh doanh**

**Thang đo nhân tố Nhận thức về sự bất định của môi trường kinh doanh**

**Thang đo nhân tố Công nghệ thông tin**

**Thang đo Môi trường kiểm soát, Đánh giá rủi ro, Hoạt động kiểm soát, Thông tin và trao đổi thông tin và Hoạt động giám sát**

**Thang đo tính hữu hiệu của KSNB**

**Thang đo biến kiểm soát Quy mô DN**

### **3.3.2. Xây dựng phiếu khảo sát**

Phần 1: Thông tin chung về DN (8 câu hỏi);

Phần 2: Nội dung chính: Gồm 2 phần:

A. Một số đặc điểm nhất định bên trong và bên ngoài DN (27 câu hỏi)

B. Các vấn đề liên quan đến KSNB và tính hữu hiệu của KSNB (40 câu hỏi). Trong phần này tác giả chia thành 6 mục I, II, III, IV, V và VI tương ứng với năm nhân tố của KSNB (gồm 28 câu hỏi), và các câu hỏi liên quan đến tính hữu hiệu của KSNB (12 câu hỏi). Mục I bao gồm các câu hỏi về nhân tố môi trường kiểm soát trong khi mục II liên quan đến nhân tố đánh giá rủi ro, mục III bao gồm các câu hỏi về nhân tố hoạt động kiểm soát; mục IV bao gồm các câu hỏi về nhân tố thông tin và trao đổi thông tin; mục V liên quan đến nhân tố hoạt động giám sát. Cuối cùng, mục VI liên quan đến tính hữu hiệu của KSNB.

### **3.4. Thu thập dữ liệu**

#### **3.4.1. Các giai đoạn thu thập dữ liệu**

Giai đoạn 1: Nghiên cứu định tính - nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của KSNB các DN kinh doanh lưu trú du lịch

Giai đoạn 2: Nghiên cứu định tính - điều chỉnh mô hình nghiên cứu ban đầu

#### **3.4.2. Mẫu nghiên cứu**

Đối tượng phân tích của nghiên cứu này là tính hữu hiệu của KSNB và các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của KSNB của các DN kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ. Do đó, đối tượng nghiên cứu là các đơn vị kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ.

Tổng thể nghiên cứu: Theo số liệu thống kê của các Sở Du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, bao gồm 8 tỉnh và thành phố: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, tính đến đầu năm 2020, có 945 DN kinh doanh lưu trú du lịch từ 1 sao đến 5 sao theo tiêu chuẩn của Luật du lịch mới nhất năm 2017. Vì nghiên cứu chỉ chú trọng đến các DN kinh doanh lưu trú du lịch, nên sẽ không quan tâm đến các đơn vị kinh doanh lưu trú dưới hình thức gia đình, kinh doanh nhà nghỉ, nhà trọ, homestay nhỏ lẻ,... Tác giả thu thập danh sách tổng thể các DN du lịch từ các Sở du lịch, hiệp hội du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ. Sau đó, tiến hành tách và lựa chọn danh sách các DN chuyên về kinh doanh lưu trú du lịch, tổng cộng có 945 DN. Tác giả không tiến hành chọn mẫu, mà gửi bảng câu hỏi đến toàn bộ các DN này.

### **3.5. Xử lý dữ liệu**

- (1) Đánh giá mô hình đo lường
- (2) Đánh giá mô hình cấu trúc

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

### **CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN**

**4.1. Tình hình kinh doanh, quản lý và thực trạng KSNB tại các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ**

**4.2. Kết quả nghiên cứu định tính**

Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua phỏng vấn trực tiếp các chuyên gia (hay còn gọi là thảo luận tay đôi) trong tháng 3 năm 2020, trong đó bao gồm 4 chuyên gia đang làm giảng viên tại các trường đại học trong lĩnh vực chuyên nghiên cứu về KSNB, 3 chuyên gia công tác trong lĩnh vực kiểm toán và 5 chuyên gia đang làm quản lý tại các DN kinh doanh lĩnh vực lưu trú du lịch thuộc các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ. Tất cả các chuyên gia đều có kinh nghiệm làm việc trong nhiều năm và am hiểu về KSNB.

### **4.3. Kết quả nghiên cứu định lượng**

#### **4.3.1 Kết quả nghiên cứu định lượng sơ bộ**

##### ***4.3.1.1. Kết quả đánh giá sơ bộ độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha***

##### ***4.3.1.2. Tổng kết nghiên cứu định lượng sơ bộ***

Như vậy, với mô hình ban đầu có mười một thang đo của mười một khái niệm nghiên cứu, kết quả nghiên cứu sơ bộ cho thấy không có thang đo nào bị loại, tức là tất cả thang đo đều đạt yêu cầu về độ tin cậy. Kết quả là có mười một thang đo của mười một khái niệm nghiên cứu được giữ lại cho mô hình nghiên cứu chính thức. Đối với các biến quan sát, khi kiểm định giá trị hội tụ đã cho kết quả độ tin cậy cao, tức là mỗi thang đo lường được cho các khái niệm nghiên cứu khác nhau

#### **4.3.2. Kết quả nghiên cứu định lượng chính thức**

##### ***4.3.2.1. Kết quả đánh giá mô hình đo lường***

##### ***4.3.2.2. Kết quả đánh giá mô hình cấu trúc***

Đánh giá đa cộng tuyến

Đánh giá hệ số tác động  $f^2$

Đánh giá sự phù hợp của các mối quan hệ

Đánh giá khả năng dự báo với hệ số  $Q^2$

Đánh giá hệ số  $q^2$

Kết quả phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động

Kết quả phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mục tiêu báo cáo

Kết quả phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mục tiêu tuân thủ



## **4.4. Tổng hợp kết quả và bàn luận**

### **4.4.1. Tổng hợp kết quả**

Căn cứ vào kết quả đã trình bày ở phần trên từ mô hình đo lường (mô hình nghiên cứu chính thức của luận án) cho thấy tất cả các giả thuyết đều được chấp nhận với mức ý nghĩa 5%. Các giả thuyết nghiên cứu được tổng hợp lại từ mô hình đo lường (mô hình chính thức).

Kết quả tính toán  $R^2$  cho thấy mô hình có cấu trúc nội sinh khá mạnh, tức là đảm bảo về mặt chất lượng của mô hình. Và khi xem xét các hệ số  $f^2$  và  $Q^2$ ,  $q^2$ , kết quả cũng cho thấy các biến ngoại sinh đều có tính dự báo cho các biến nội sinh từ mức trung bình trở lên.

### **4.4.2. Bàn luận kết quả kiểm định các giả thuyết nghiên cứu**

Nghiên cứu tiến hành xem xét các tác động của phân quyền quản lý, chiến lược kinh doanh, nhận thức về sự bất định của môi trường kinh doanh tác động đến KSNB, cụ thể là 5 thành phần của KSNB. Kết quả cho thấy các nhân tố này đều có mối quan hệ tác động thuận chiều đến tính hữu hiệu KSNB.

### **4.4.3. Bàn luận kết quả các mô hình tác động đến từng mục tiêu trong tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ**

Để hiểu rõ sự khác biệt của các mô hình, tác giả tiến hành phân tích sâu vào các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của KSNB theo từng mục tiêu: Mục tiêu hoạt động, mục tiêu báo cáo và mục tiêu tuân thủ.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 4**

### **CHƯƠNG 5: HÀM Ý**

## **5.1. Hàm ý nghiên cứu**

### **5.1.1. Hàm ý về lý thuyết**

Thứ nhất, kết quả nghiên cứu cũng bổ sung vào dòng nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của KSNB. Các nghiên cứu trước đó, đa số tập trung vào nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố thuộc ngữ cảnh tác động đến KSNB, hoặc các nhân tố thuộc năm thành phần của KSNB tác động đến tính hữu hiệu của KSNB thì kết quả nghiên cứu của luận án là một trong số ít những nghiên cứu sẽ kết hợp cả hai khía cạnh này trong một nghiên cứu để

cung cấp một cái nhìn toàn diện hơn, tổng hợp hơn về các nhân tố tác động đến tính hữu hiệu của KSNB. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của luận án sẽ bổ sung vào dòng nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của KSNB, thông qua cách thức đo lường tính hữu hiệu của KSNB thông qua ba mục tiêu theo các thang đo đa hướng về mục tiêu hoạt động, mục tiêu báo cáo và mục tiêu tuân thủ. Bên cạnh đó, nghiên cứu xây dựng thang đo ngược giúp đánh giá khách quan hơn tính hữu hiệu của KSNB.

Thứ hai, luận án đóng góp vào tổng hợp lý thuyết về khuôn khổ KSNB và tính hữu hiệu của KSNB theo báo cáo COSO, 2013. Đây là nền tảng lý thuyết về KSNB áp dụng cho các DN trong việc thiết kế một HT giúp DN đạt được các mục tiêu đặt ra. Phát triển những lý luận về KSNB nói chung và KSNB trong các DN lưu trú du lịch nói riêng. Thông qua việc tổng hợp và phát triển các cơ sở lý thuyết cho nghiên cứu về KSNB góp phần bổ sung các kiến thức nhằm làm rõ khái niệm, nội dung, bản chất, thành phần của HT KSNB, tính hữu hiệu của KSNB; một trong những lĩnh vực nghiên cứu còn mới ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã nhận diện được các thành phần KSNB và các mục tiêu kiểm soát dựa trên các thành phần và các nguyên tắc của KSNB theo khuôn khổ COSO, 2013.

Thứ ba, nghiên cứu đã sử dụng phương pháp phân tích theo mô hình cấu trúc tuyến tính SEM, đây là mô hình được đánh giá khá hiệu quả và phù hợp với dạng nghiên cứu xây dựng mô hình với nhiều mối quan hệ tác động. Nghiên cứu sẽ là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị cho sinh viên, học viên, giáo viên và những nhà nghiên cứu quan tâm về mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM). Cụ thể, tài liệu tham khảo này phục vụ cho việc giảng dạy học phần kinh tế lượng ứng dụng trong việc đào tạo ngành kế toán bậc thạc sĩ, tiến sĩ tại các trường đại học.

### **5.1.2. Hàm ý về quản trị**

Bên cạnh những hàm ý lý thuyết, luận án cũng đem lại một số hàm ý quản trị cho các DN kinh doanh lưu trú các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ. Cụ thể, giá trị của nghiên cứu này thể hiện ở việc giúp các DN kinh doanh lưu trú các tỉnh

duyên hải Nam Trung Bộ nhìn thấy rõ được các nhân tố tác động đến tính hữu hiệu của KSNB để có các biện pháp tác động cho phù hợp. Cụ thể như sau:

**Thứ nhất**, Phân quyền quản lý tác động đến tính hữu hiệu của KSNB thông qua các thành phần của KSNB, đặc biệt là thành phần hoạt động giám sát. Do đó, hệ thống KSNB cần thay đổi cho phù hợp với phân quyền quản lý trong đơn vị.

**Thứ hai**, Chiến lược kinh doanh có tác động đến tính hữu hiệu của KSNB thông qua việc tác động đến các thành phần của KSNB, đặc biệt là thành phần đánh giá rủi ro. Do đó, KSNB cần có những thay đổi để phù hợp với chiến lược kinh doanh mà DN lưu trú du lịch đã lựa chọn.

**Thứ ba**, nhận thức về sự bất định của môi trường kinh doanh tác động tích cực đến tính hữu hiệu của KSNB thông qua các thành phần của KSNB, đặc biệt là thành phần hoạt động kiểm soát. Do đó, cần xây dựng một HT KSNB đủ mạnh để nâng cao hiệu quả hoạt động khi sự bất định của môi trường kinh doanh bên ngoài tăng.

**Thứ tư**, Công nghệ thông tin tác động tích cực đến tính hữu hiệu của KSNB thông qua các thành phần của KSNB, đặc biệt là thành phần thông tin và trao đổi thông tin. Do đó, cần xây dựng một HT KSNB chặt chẽ để nâng cao tính hữu hiệu của KSNB

**Thứ năm**, môi trường kiểm soát tác động tích cực đến tính hữu hiệu của KSNB, do đó, các DN cần chú trọng đầu tư vào thành phần môi trường kiểm soát.

**Thứ sáu**, đánh giá rủi ro tác động tích cực đến tính hữu hiệu của KSNB, do đó cần chú trọng công tác nhận diện và đánh giá rủi ro.

**Thứ bảy**, hoạt động kiểm soát tác động tích cực đến tính hữu hiệu của KSNB, do đó cần nâng cao hiệu quả của thành phần này.

**Thứ tám**, thông tin và trao đổi thông tin tác động tích cực đến tính hữu hiệu của KSNB. Do đó, các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch cần chú trọng nâng cao hiệu quả của thành phần này.

**Cuối cùng**, hoạt động giám sát tác động tích cực đến tính hữu hiệu của KSNB, do đó cần nâng cao hiệu quả của thành phần này trong các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch.

## 5.2. Hạn chế của nghiên cứu và hướng nghiên cứu tiếp theo

Một là nghiên cứu chỉ dừng lại ở các DN kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ. Chính vì thế nên nghiên cứu không thể tổng hợp được cho toàn ngành. Hướng nghiên cứu tiếp theo, nên mở rộng cho các DN du lịch của các vùng miền khác và của cả nước.

Hai là việc thu thập dữ liệu tại các DN gặp rất nhiều khó khăn. Vì các vấn đề như bảo mật và sự thờ ơ của một bộ phận những người được phỏng vấn và trả lời ảnh hưởng đến kết quả của nghiên cứu. Do thời gian nghiên cứu có hạn nên tác giả chỉ khảo sát được 324 DN kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ. Mẫu nghiên cứu còn nhỏ, đối với các nghiên cứu định lượng, mẫu khảo sát càng lớn càng tốt. Kết quả hồi quy  $R^2$  hiệu chỉnh có giá trị từ 0,419 đến 0,805 (Bảng tính xác định hệ số  $R^2$ , chứng tỏ mô hình chỉ giải thích được 41,9% đến 80,5% ảnh hưởng bởi các nhân tố: môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và trao đổi thông tin và hoạt động giám sát đến tính hữu hiệu của KSNB, còn lại 19,5% đến 58,1 % là do ảnh hưởng của các nhân tố khác mà tác giả còn chưa nghiên cứu. Do đó, hướng nghiên cứu tiếp theo trong tương lai, sẽ mở rộng mẫu nghiên cứu để đảm bảo mức độ đại diện cho tổng thể; phân tích thêm các nhân tố ảnh hưởng quan trọng khác.

Ba là nghiên cứu chỉ tiếp cận KSNB theo 5 thành phần dựa trên báo cáo COSO (2013) mà không tiếp cận theo từng chu trình kinh doanh nên số liệu nghiên cứu chỉ thể hiện dưới góc nhìn chung, khái quát. Do đó, các nghiên cứu sau này có thể mở rộng nghiên cứu đi sâu vào một số chu trình quan trọng trong lĩnh vực kinh doanh lưu trú du lịch.

Cuối cùng, với mẫu nghiên cứu các DN kinh doanh lưu trú du lịch quy mô nhỏ và vừa chiếm tỷ trọng khá lớn cũng làm ảnh hưởng đến kết quả nghiên cứu. Do đó, trong tương lai nghiên cứu tiếp theo có thể loại bỏ các DN có quy mô nhỏ và vừa ra khỏi mẫu chỉ chạy mô hình với các DN có quy mô lớn.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 5

### KẾT LUẬN CHUNG

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

### Nghiên cứu khoa học cấp Trường

**Chủ nhiệm đề tài NCKH cấp Trường năm 2019**, *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của HT KSNB tại các DN kinh doanh du lịch tỉnh Bình Định*, Trường Đại học Quy Nhơn.

### Bài báo trong nước

1. Trần Thị Bích Duyên, & Đàm Đình Mạnh. (2019). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp du lịch tỉnh Bình Định. *Tạp chí Công Thương*, 10, 172–177.
2. Trần Thị Bích Duyên. (2021). Nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp du lịch. *Tạp chí Tài chính*, 755, 82–85.

### Hội thảo khoa học quốc gia

1. Trần Thị Bích Duyên. (2017). *Kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*. Hội thảo khoa học quốc gia: Kế toán - Kiểm toán và Kinh tế Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. ISBN: 978-604-922-344-0
2. Trần Thị Bích Duyên, & Đường Nguyễn Hưng. (2022). *Nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch các tỉnh duyên hải nam trung bộ Việt Nam*. Hội thảo khoa học quốc gia về Kế toán và Kiểm toán VCAA 2022. ISBN: 978-604-330-509-8
3. Trần Thị Bích Duyên, & Đường Nguyễn Hưng. (2023). *Thang đo tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong các tổ chức*. Tạp chí Kế toán & Kiểm toán. ISSN: 2815 – 6129.